

**TÒA ÁN NHÂN NHÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số:215/2019/DS-PT

Ngày:30-07-2019

V/v tranh chấp:“Hợp đồng
vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Kim Em;**

Các Thẩm phán:

Bà **Nguyễn Thị Sâm Hương;**

Ông **Võ Trung Hiếu.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Liễu Hạnh**-Thư ký Tòa án tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:Bà **Từ Thị Kỳ**-Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 07 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 174/2019/TLPT- DS ngày 12 tháng 06 năm 2019 về tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 57/2019/DS-ST ngày 04 tháng 04 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện K bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 219/2019/QĐ-PT ngày 14 tháng 06 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Hồng T**, sinh năm 1980;

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của anh T là chị **Dương Mỹ L**, sinh năm 1988 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp D, xã H, huyện K, tỉnh Tiền Giang. (Theo văn bản ủy quyền ngày 2/7/2019).

2. Bị đơn: Chị **Phạm Thị S**, sinh năm 1974 (có mặt);

Địa chỉ: ấp L, xã P, huyện K, tỉnh Tiền Giang.

3. Người kháng cáo: Bị đơn chị Phạm Thị S.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn anh Nguyễn Hồng T trình bày:

Ngày 20/1/2016 chị Phạm Thị S có vay của anh T số tiền 80.000.000 đồng, không tính lãi, mục đích vay là để mua heo và mua bán gừng. Khi vay tiền, chị S hứa đến ngày 13/9/2016 sẽ trả tiền cho anh nhưng đến nay vẫn không trả. Nay anh yêu cầu chị S trả số tiền 80.000.000 đồng và tính lãi từ ngày 13/10/2016 đến

khi xét xử với mức lãi suất 0,75%/tháng, trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn chị Phạm Thị S trình bày:

Vào ngày 20/01/2016 chị có vay của anh T số tiền 80.000.000 đồng với lãi suất 5%/tháng, mỗi tháng đóng tiền lãi là 4.000.000 đồng, mục đích vay là để mua bán. Biên nhận mượn tiền do anh T viết và chị ký tên. Chị đã trả lãi cho anh T số tiền 96.000.000 đồng, trả tiền lãi không có làm biên nhận, chị không có ý kiến gì đối với số tiền lãi này. Nay chị đồng ý trả cho anh T số tiền 80.000.000 đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2019/DS-ST ngày 04 tháng 4 năm 2019, của Tòa án nhân dân huyện K đã quyết định:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 32 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

Chấp nhận yêu khởi kiện của anh Nguyễn Hồng T.

Buộc chị Phạm Thị S có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Hồng T số tiền 97.820.000 đồng (Chín mươi bảy triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng).

Thời gian trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị S không chịu trả số tiền trên thì hàng tháng chị S còn phải trả số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương đương thời gian chậm thi hành án.

Ngày 06/05/2019 bị đơn chị Phạm Thị S có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm vì chị đã trả lãi quá mức số tiền đã mượn của anh T, hiện nay hoàn cảnh khó khăn nên không thể trả toàn bộ số tiền trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị S giữ nguyên yêu cầu kháng cáo không đồng ý trả số tiền nợ gốc 80.000.000 đồng và lãi 17.820.000 đồng cho anh T.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đơn kháng cáo và biên lai thu tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm của chị Phạm Thị S còn trong thời hạn luật định đúng theo quy định tại các Điều 271, 272 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật, Tòa sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” là phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu kháng cáo của chị Phạm Thị S, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 20/01/2016 chị S có mượn của anh Hồng T số tiền 80.000.000 đồng, hẹn đến ngày 13/9/2016 chị S sẽ trả số tiền trên cho anh T, hai bên có làm biên nhận nhận tiền nhưng đến nay chị S vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Chị S thừa nhận có vay của anh T số tiền 80.000.000 đồng, mỗi tháng chị trả lãi 4.000.000 đồng từ tháng 2/2016 đến tháng 7/2018 đã vượt quá số tiền vay nhưng chị không có chứng cứ chứng minh việc trả lãi này và anh T cũng không thừa nhận. Căn cứ vào biên nhận ngày 20/01/2016 thì chị S đã vi phạm thỏa thuận. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T buộc chị S trả cho anh T số tiền 80.000.000 đồng và 17.820.000 đồng lãi chậm trả là có căn cứ.

Chị S kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ gì mới chứng minh nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị S giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện K.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: Do kháng cáo chị S không được chấp nhận nên chị S phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 32 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Phạm Thị S.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 57/2019/DS-ST ngày 04 tháng 04 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện K đã quyết định:

- Chấp nhận yêu khởi kiện của anh Nguyễn Hồng T.

- Buộc chị Phạm Thị S có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Hồng T số tiền 97.820.000 đồng (Chín mươi bảy triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng).

Thời gian trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị S không chịu trả số tiền trên thì hàng tháng chị S còn phải trả số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương đương thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất phát sinh chậm trả thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3/ Về án phí:

Chị Phạm Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm và 4.891.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, chị S đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002505 ngày 08/5/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện K nên chị S còn phải nộp tiếp 4.891.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành ngay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện K;
- VKSND huyện K;
- CC THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV & THA (TAT);
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Kim Em